TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Từ Anh Tuấn;

Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981; thường trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C; địa chỉ liên hệ: Số 48, đường số 9, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Quốc M, sinh năm 1979; thường trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C; tạm trú: Số 192/1A khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh C, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trịnh Quốc M đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 06/02/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh M ghen tuông vô cớ. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nhiều lần tạo điều kiện, ngồi lại nói chuyện với anh Trịnh Quốc M nhưng cả hai vẫn không thể hoà hợp. Từ tháng 9/2022 đến nay, chị L không còn sống chung với anh Trịnh Quốc M, cụ thể anh M vẫn sống ở phòng trọ số 14A toạ lạc 192/1A khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, còn chị L chuyển sang phòng trọ khác số 10B cùng khu nhà trọ sinh sống cho đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh M, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trịnh Quốc M có 01 người con chung là Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2008. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trịnh Quốc M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trịnh Quốc M: Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trịnh Quốc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trịnh Quốc M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/12/2022 và ngày 26/12/2022; tham gia phiên tòa vào ngày 13/01/2023 và ngày 02/02/2023 nhưng anh Trịnh Quốc M vắng mặt không lý do. Đồng thời, anh M cũng không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Mỹ L, là mẹ vợ của anh Trịnh Quốc M. Sau khi gia đình tổ chức lễ cưới cho chị L với anh M thì vợ chồng anh chị về sống chung với bà tại khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh C. Khi chị L sinh con là cháu Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2008 được 06 tháng thì vợ chồng chị L gửi cháu H cho bà N chăm sóc và vợ chồng chị L đi làm ở thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Hàng tháng vợ chồng chị L có gửi tiền về cho bà N để lo chi phí nuôi cháu H. Vào các dịp nghỉ lễ, tết vợ chồng chị L có về thăm con. Do vợ chồng chị L đi làm nên bà không biết mâu thuẫn vợ chồng như thế nào và bà N không có ý kiến về việc chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh M. Đối với cháu H hiện nay do bà nuôi dạy nhưng việc cháu H muốn ở với ai là do cháu H tự quyết định bà không ý kiến. Trường hợp cháu H có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà để bà nuôi dạy thì bà N thống nhất tiếp tục nuôi dạy cháu H.

Bà N không có yêu cầu cấp dưỡng mà để vợ chồng chị L với anh M tự quyết định.

Ngày 01/11/2022 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trịnh Quốc M tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình và được cung cấp như sau: Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị L và anh M không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trịnh Quốc M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trịnh Quốc M là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 06/02/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị L xác định sau một thời gian thì cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn gia đình nghiêm trọng dẫn tới rạn nứt không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh M hay ghen tuông vô cớ. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nhiều lần tạo điều kiện, ngồi lại nói chuyện với anh Trịnh Quốc M nhưng cả hai vẫn không thể hoà hợp. Từ tháng 9/2022 cho đến nay, chị L đã chuyển ra ở riêng tại phòng trọ 10B cùng khu nhà trọ, không còn sống chung với anh M tại phòng số 14A như trước đây. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh M nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị L xác định không còn tình cảm với anh M, bản thân anh M, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh M đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không có mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh M có một người con chung tên là Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2008. Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét, hiện tại chị L làm công nhân, có thu nhập ổn định, cháu H đang do bà ngoại là bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H là cháu gái và đang ở tuổi vị thành niên. Lời khai của bà N, chị L thể hiện việc chị L, anh M có gửi cháu H cho bà ngoại chăm sóc nhưng chị L, anh M vẫn đi về thăm con, giáo dục con. Tại bản tự khai trình bày ý kiến gửi Tòa án, cháu H xác định có nguyện vọng được ở với bà ngoại là bà Nguyễn Thị N và mẹ là chị Nguyễn Thị Mỹ L, điều này chứng tỏ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị L với sự hỗ trợ của bà ngoại hiện rất tốt. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Trịnh Quốc M vắng mặt và cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con chung Trịnh Thị Ngọc H cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Ngọc H.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện không yêu cầu anh Trịnh Quốc M cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân

sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Trịnh Quốc M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trịnh Quốc M (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh C cấp ngày 06/02/2006).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu chị Trịnh Quốc M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trịnh Quốc M đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000656 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Thới Bình,
huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng